

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HSST.

Ngày: 16 - 11 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Ngô Ngọc Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2023/TLST - HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với Các bị cáo:

1. Họ và tên: Đào Văn T; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/9/1993 tại huyện H, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 6, xã V, huyện H, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Đoàn thể: Không; Bố đẻ: Đào Xuân L, sinh năm 1955; Mẹ đẻ: Hoàng Thị T, sinh năm 1959; Hiện nay, bố và mẹ bị cáo đều đang ở khu 2, xã V, huyện H, tỉnh P; Anh chị em ruột: Gia Đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 (đó ly hôn); Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2019;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bị cáo Đào Văn T 01 lần bị kết án, 01 bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2012/HSST ngày 19/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh C xử phạt T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và bị cáo phải chịu 200.000 đồng Tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã thi

hành xong hình phạt chính; thi hành xong Tiền án phí hình sơ thẩm ngày 06/9/2012.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 08/01/2020 của Công an huyện H, tỉnh P xử phạt T 5.000.000 đồng do có hành vi tàng trữ trái phép pháo nổ, bị cáo chấp hành xong tiền phạt ngày 08/01/2020.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/7/2023 chuyển tạm giam ngày 23/7/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn C; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 13/6/1979 tại huyện P, tỉnh T; Nơi cư trú: Xóm Vo, xã T, huyện P, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Đoàn thể: Không; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: Phạm Thị L, sinh năm 1954; Hiện nay, bố và mẹ bị cáo đều đang ở xóm Vo, xã T, huyện P, tỉnh T; Anh chị em ruột: Gia Đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 (đó ly hôn); Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2002; Tiền án: Không.

- Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự.

Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0028678/QĐ-XPHC ngày 10/12/2020 của Công an huyện P, tỉnh T xử phạt C 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an huyện P đó nhiều lần đôn đốc C thi hành quyết định xử phạt, lần đôn đốc gần nhất là ngày 20/9/2022. Đến nay, C vẫn chưa thi hành quyết định xử phạt hành chính này.

- Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn C 03 bị kết án, 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/HS-ST ngày 07/3/2001 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt C 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội gây rối trật tự Công cộng và 50.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Bị cáo đó chấp hành xong hình phạt chính; thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 23/7/2003.

Bản án hình sự số sơ thẩm số 20/HS-ST ngày 07/3/2003 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt C 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 50.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Bị cáo đó chấp hành xong hình phạt chính; thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/9/2008.

Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2009/HSST ngày 30/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt C 09 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và 200.000đ Tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 14/2010/HSPT ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt C 07

năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đó chấp hành xong toàn bộ bản án, đó được xóa án tích.

Tháng 3/2003, C bị Công an huyện P, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/7/2023 chuyển tạm giam ngày 23/7/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ngô T T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 1, xã Á, huyện H, tỉnh P (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty HD SAI GON có địa chỉ tại tầng 3, toà nhà VIT, số 519 K, phường N, quận B, T phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn L là chuyên viên Pháp lý tổ tụng thuộc phòng thu hồi nợ của Công ty (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1990 và chị Phạm Thị Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H tiếp nhận tin báo của Công an xã Á, huyện H chuyển đến về việc: Ngày 08/7/2023, anh Ngô T T sinh năm 1995 ở khu 1, xã Á, huyện H đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87 của mình đến Công ty Hà Nam P ở khu 4, xã Á để làm việc và để xe máy tại lán để xe của công ty. Đến ngày 12/7/2023, khi anh Tùng đi làm về đến Công ty thì phát hiện xe máy của mình bị mất.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan CSĐT – Công an huyện H đó T hành điều tra đó T hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời xác định: Đào Văn T, sinh năm 1993 ở khu 6, xã V, huyện H, tỉnh P và Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 ở xã T, huyện P, tỉnh T là người đó thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Tùng. Ngày 14/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H đó ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T và C. Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh có số Imei 1: 862208047931650, Imei 2: 862208047931643 đã qua sử dụng

Tại Cơ quan điều tra T và C khai nhận: Ngày 07/7/2023, C đến nhà người quen ở tỉnh Y chơi. Khoảng 15 giờ cùng ngày, C ngồi uống nước tại một quán nước ven đường thuộc xã Minh Quõn, huyện T, tỉnh Y. Lúc này, Nguyễn Văn T cũng

đến quán uống nước nên đó núi chuyện, làm quen với C. Sáu đó, T rủ C đi chơi nhưng C không đi. T và C trao đổi số điện thoại cho nhau rồi T đi chơi một mình. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/7/2023, C cú gọi điện thoại rủ T đi chơi. T đồng ý và hẹn đón C tại ven đường gần khu Công nghiệp của huyện T, tỉnh Y. Sau đó, C điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 19F1 - 428.15 màu đen của mình đến chỗ hẹn để đón C. Sau khi đón C, T chở C đi chơi vũng quanh T phố Y. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, thì T trở C về sân đền mẫu Âu Cơ thuộc xã H, huyện H, tỉnh P. Tại đây, C hỏi T “*Cú Cách gì kiếm ra được tiền Không*”, T hiểu ý C là cú coi gì trộm cắp để bán lấy tiền được Không, Nên T núi với C là “*Thiếu gì Cách*”. Sau đó, T điều khiển xe trở C đi dọc theo đường Quốc lộ 32 đi lên T phố Y mục đích xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản, nhưng không trộm cắp được tài sản gì. T tiếp tục điều khiển xe về huyện H, tỉnh P theo đường Quốc lộ 2D. Trên đường đi T núi với C “*Xem khu vực này cú trộm cắp được gì Không*” thì C bảo “*Ở đây có nhiều camera Không trộm cắp được*”. T núi với C “*Tao biết chỗ có xe máy không có người trung coi dễ lấy*”, C đồng ý đi cùng T. T điều khiển xe đến thị trấn H, huyện H rồi rẽ trái đi theo đường Quốc lộ 70B để đi đến Công ty TNHH Hà Nam P thuộc khu 4, xã Á, huyện H. Trước đây T đó làm việc ở Công ty TNHH Hà Nam P và nghỉ việc vào tháng 6/2023, Nên T biết có nhà để xe của Công ty ở phía sau bưu điện văn hóa xã Á. Trong lán để xe thường cú nhiều xe máy của công nhân, nhưng không có ai trông coi.

Khoảng 22 giờ 30 phút, T điều khiển xe dừng lại trước cửa bưu điện văn hoá xã Á. Bưu điện này ở bên trái đường Quốc lộ 70B theo hướng từ thị trấn H đi xã Á và giáp với cổng Công ty TNHH Hà Nam P. Sau đó, T chỉ cho C đi vào bên trong Công ty TNHH Hà Nam P để trộm cắp xe máy, cũn T đứng ở ngoài cảnh giới. Do Không thấy lán để xe nên C quay ra chỗ T và núi “*Không thấy coi xe nào*” thì T dẫn C đi vào bên trong và chỉ cho C vị trí lán để xe, cũn T đi ra ngoài đường đứng cảnh giới. C đi vào lán để xe theo hướng dẫn của T. Khi vào lán để xe, C phát hiện trong nhà xe dựng nhiều xe máy, C trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1- 266.87 dắt bộ ra chỗ T. Do xe trộm cắp Không có chõ khóa để nổ máy Nên T đó điều khiển xe máy của mình đẩy xe chiếc xe máy trộm cắp được do C điều khiển theo đường Quốc lộ 70 B đi về hướng thị trấn H. Khi đi được một đoạn đến chỗ đường tới thì T và C dừng lại, C lấy một chiếc tũ vót mang theo từ trước ở trong người để mở phá khóa điện của chiếc xe Dream nhưng không mở được Nên vút chiếc tũ vót này lụn. T lại tiếp tục điều khiển xe mình đi phía trước cũn C ngồi trên chiếc máy xe trộm cắp được và bơm nắm vào giá để hàng phía sau xe của T rồi kéo nhau đi. Khi đi qua cầu H và đi xuôi xuống hướng huyện T, tỉnh P theo đường Quốc

lộ 32C được khoảng 5 km thì T lấy đoạn dây nilon dùng để phân chia làn đường buộc vào hai xe rồi tiếp tục kéo nhau đi. Khi đi đến địa phận huyện C, tỉnh P thì T và C xuống chũn nghỉ của một bến đũ và cùng nhau ngủ qua đêm. Khoảng 5 giờ sáng 09/07/2023, T và C dậy tiếp tục kộ xe xuôi theo Quốc lộ 32C xuống hướng huyện T. Trên đường đi T và C thấy một cửa hàng sửa chữa xe máy ở giáp đường Nên dừng lại. C xuống xe và đi vào quán hỏi Cách mở khoá xe và mượn tô vít tháo đầu dây điện nổ được máy chiếc xe Dream. Sau đó, C điều khiển chiếc trộm cắp được, T điều khiển xe của Minh tiếp tục đi theo Quốc lộ 32C theo hướng về huyện T. Khi đi đến xã L, huyện T, tỉnh P, C thấy ở giáp mặt đường cú cửa hàng thu mua phé liệu của gia Đình chị Đỗ Thị Hồng L sinh năm 1995, nên C và T dừng xe lại. C vào trong cửa hàng gặp và núi với chị L là muôn bán chiếc xe máy Dream BKS: 19F1-266.87. Nhưng chị L Không mua và bảo C bán cho vợ chồng anh Nguyễn Văn A sinh năm 1990 và chị Phan Thị Thùy sinh năm 1993 ở xã B, huyện V, tỉnh Vđang thu mua phé liệu tại cửa hàng nhà chị L. C gặp và núi với anh Anh đây xe Dream của C bị rơi mất giấy tờ và bị hỏng Nên muôn bán. Anh Anh đồng ý mua chiếc xe với giá 1.000.000 đồng. Sau khi anh Anh trả cho C 1.000.000 đồng thì C đó cùng vợ chồng anh Anh nhắc chiếc xe máy lên thượng xe ụ tụ của anh Anh. Sau khi bán được xe, T điều khiển xe của T chở C đi về tỉnh Y. Đối với số tiền 1.000.000 đồng bán xe mà cú, T và C đó chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/7/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Hđó thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87 do anh Nguyễn Văn A giao nộp. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hđó yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe Honda Dream 19F1-266.87. Tại kết luận định giá tài sản số 36 /KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2023, kết luận:

“01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại xe Dream màu tím biển kiểm soát 19F1-266.87. Mua lại tháng 4/2018 có giá 25.000.000 đồng sử dụng đến ngày 08/7/2022 cú trị giá 5.500.000 đồng”.

Ngày 23/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hđó ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo và ra lệnh tạm giam đối với Đào Văn T và Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan CSĐT- Công an huyện H, T và C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của Các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại và Các tài liệu chứng cứ đó được thu thập trong quáTrình điều tra.

Kết quả điều tra xác định chiếc xe máy Honda Dream BKS: 19F1-266.87 thuộc sở hữu của bà Phạm Thị V sinh năm 1967 ở khu 1, xã Á, huyện H, tỉnh P, bà Vy là mẹ của anh T. Chiếc xe Honda Dream BKS: 19F1-266.87 bà Vy cho anh T sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đối với Nguyễn Văn A và chị Phan Thị T: Kết quả điều tra xác định, khi mua chiếc Honda Dream BKS: 19F1-266.87 của C. Anh Anh và chị T Không biết chiếc xe này do C và T trộm cắp mà cú.

Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen BKS 19F1 - 428.15 là xe của T. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 11/7/2023 T đi chiếc xe này đến và gửi tại nhà anh Nguyễn Đức Lsinh năm 1971 ở xã G, T Phố Y, tỉnh Y. Ngày 06/8/2023, anh Lịch đó giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H: Chiếc xe mô tô trên kèm theo 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Văn T, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc. Kết quả điều tra xác định chiếc xe Wave BKS: 19F1 - 428.15 T mua bằng hình thức trả góp vào ngày 10/12/2022 với giá 21.280.000 đồng, Công ty cung cấp dịch vụ cho vay trả góp là Công ty HD SAI GON có địa chỉ tại tầng 3, toà nhà VIT, số 519 K, phường N, quận B, T phố H. Hiện nay, T chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả góp và còn nợ Công ty này tổng số tiền 19.580.000 đồng. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đó tạm giữ là của T không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87, chiếc xe này Cơ quan điều tra đã trả lại cho T vào ngày 06/8/2023. Các vật chứng đang tạm giữ gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 19F1 - 428.15 màu đen đã qua sử dụng; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Văn T; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh có số Imei 1: 862208047931650, Imei 2: 862208047931643 đã qua sử dụng.

Về Dân sự: Anh Ngô T T đó nhận lại tài sản là chiếc xe máy Honda Dream BKS: 19F1-266.87 và Không yêu cầu Các bị cáo bồi thường gì. Anh Nguyễn Văn A yêu cầu Các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Về điều kiện kinh tế: Các bị cáo là lao động tự do. Bị cáo T sống cùng bố mẹ đẻ và Không có tài sản gì có giá trị lớn ngoài chiếc xe máy BKS: BKS: 19F1 - 428.15. Bị cáo C cú tài sản là 02 thửa đất nông nghiệp, tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn, ngoài ra bị cáo Không có tài sản gì có giá trị.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đó truy tố. Bị cáo biết rừ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện Vì động cơ vụ lợi.

Tại Cáo trạng số 44/CT- VKSHH ngày 20/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P đó truy tố đối với Đào Văn T và Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với T và C); khoản 2 Điều 51(đối với C); Điều 38; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt Đào Văn T từ 27 (hai mươi bảy) đến 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tự tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt Nguyễn Văn C từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tự tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Các bị cáo.

- Về vật chứng:

Xác nhận ngày 06/8/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87.

Trả lại cho bị cáo T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 19F1 - 428.15 màu đen đã qua sử dụng; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đào Văn T; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh có số Imei 1: 862208047931650, Imei 2: 862208047931643 đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại để bảo đảm thi hành án.

- Về trách nhiệm Dân sự: Anh Ngô T T đó nhận lại tài sản là chiếc xe máy Honda Dream BKS: 19F1-266.87 và Không yêu cầu Các bị cáo bồi thường thêm gì. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc Các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn A và chị Phan Thị T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Kỷ phần mỗi bị cáo là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí trách nhiệm Dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Công ty HD SAI GON Trình bày: Đến ngày 08/11/2023 bị cáo Đào Văn T còn nợ số tiền 18.472.018 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy Honda Wave BKS 19F1 - 428.15 màu đen của bị cáo T cho Công ty để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và Trình bày tại phiên tòa như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, mức hình phạt.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào Các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên - Công an huyện H, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện H trong quá trình điều tra, truy tố đó thực hiện đúng về thẩm quyền, Trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan T hành tố tụng đó được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Bị cáo Không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và Các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/7/2023, tại lán để xe của Công ty THHH Hà Nam P ở khu 4, xã Á, huyện H, tỉnh P. Đào Văn T và Nguyễn Văn C thực hiện hành vi trộm cắp của anh Ngô T T sinh năm 1995 ở khu 1, xã Á, huyện H01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87 trị giá 5.500.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn C đó phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo Không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Về tính chất, động cơ, mục đích của hành vi phạm tội:

Về tính chất hành vi, động cơ, mục đích phạm tội của Các bị cáo: Các bị cáo là người đó trưởng T, có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng Các bị cáo vẫn thực hiện, với lỗi cố ý trực tiếp Vì động cơ, mục đích vụ lợi, muốn kiếm tiền nhanh chóng; điều đó thể hiện sự ngang nhiên, coi thường pháp luật, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo Xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Công Dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, **ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của xã hội**. Vì vậy, cần xử lý để giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với bị cáo.

[4]. Về Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về Nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, đó nhiều lần bị xử và xử lý hành chính về Các hành vi khác nhau. Bị cáo T ngày 19/7/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh C xử phạt T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản và ngày 08/01/2020 bị Công an huyện H, tỉnh P xử phạt 5.000.000 đồng do có hành vi tàng trữ trái phép pháo nổ. Bị cáo C ngày 07/3/2001 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt C 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội gây rối trật tự Công cộng; ngày 07/3/2003 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt C 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 30/10/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt C 09 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; tháng 3/2003, C bị Công an huyện P, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo đó chấp hành xong tất cả Các bản án, quyết định Nên Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và Các tình tiết tăng nặng THHS nào khác.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đó T khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn C có mẹ là bà Phạm Thị Liên được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất do cú T tích trong cuộc kháng chiến chồng mỹ cứu nước, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi trộm cắp tài sản của anh T, T đó 01 lần bị kết án, C 03 lần bị kết án Nên Các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào Nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn C nhiều lần bị xét xử và xử phạt hành chính xử lý về Các hành vi khác nhau, Các bị cáo Không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, bảo đảm tính răn đe, để Các bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở T người Công Dân tốt, có ích cho gia Đình, xã hội cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, xử phạt tự giam đối với Các bị cáo. Trong vụ án C là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, Nhân thân bị cáo là xấu hơn, đó nhiều lần bị kết án. Vì vậy, cần xử C với mức hình phạt cao hơn bị cáo T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo làm lao động tự do, Không có thu nhập ổn định, Không có tài sản riêng có giá trị. Nên Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Cần Xác nhận ngày 06/8/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ngô T T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87 là phù hợp.

Cần trả cho bị cáo T 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Đào Văn T có số 0060; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy mang tên Đào Văn T có số AA22/1403166; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy mang tên Đào Văn T có số AA22/1403167; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, có số Imei 1: 862208047931650, Imei 2: 862208047931643, số sờ ri 641C08B, máy bị bung màn hình, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại để bảo đảm thi hành án.

Đối với chiếc xe máy của bị cáo T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen BKS 19F1 - 428.15 có số máy JA39E2938250, số khung là RLHJA3923NY736043 xe không có gương chiếu hậu, đã cũ, đã qua sử dụng. Bị cáo T mua bằng hình thức trả góp vào ngày 10/12/2022 với giá 21.280.000 đồng, Công ty cung cấp dịch vụ cho vay trả góp là Công ty HD SAI GON có địa chỉ tại tầng 3, toà nhà VIT, số 519 K, phường N, quận B, T phố H. Hiện nay, bị cáo T chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả góp và còn nợ Công ty này tổng số tiền 19.580.000 đồng. Công ty HD SAI GON có đơn xin lại chiếc xe này và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công Ty cũng có ý kiến xin lại chiếc xe trên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, trên đăng ký xe mô tô đây là tài sản đứng tên bị cáo Đào Văn T. Việc mua trả góp là giao dịch Dân sự, nếu bị cáo T có vi phạm về nghĩa vụ trả nợ thì Công ty HD SAI GON có thể

khởi kiện bằng một vụ án Dân sự khác. Tuy nhiên, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3. HĐXX xét thấy, đây là phương tiện Các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản, cú thể sung Công quỹ Nhà Nước, nhưng để bảo đảm quyền lợi của bên thứ 3 là Công ty HD SAI GON Nên cần trả lại cho bị cáo Đào Văn T chiếc xe máy trên để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm Dân sự:

Anh Ngô T T đó nhận lại tài sản là chiếc xe máy Honda Dream BKS: 19F1-266.87 và Không yêu cầu Các bị cáo bồi thường gì, nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Anh Nguyễn Văn A và chị Phan Thị T là người mua chiếc xe máy của Các bị cáo với giá 1.000.000 đồng, nhưng anh không biết đây là tài sản do Các bị cáo trộm cắp mà có được. Anh, chị đề nghị Các bị cáo hoàn trả số tiền trên. Vì vậy, cần buộc Các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn và chị Phan Thị T số tiền 1.000.000 đồng. Do Các bị cáo cùng tiêu sài hết Nên ký phần mỗi bị cáo là 500.000đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu Tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với Nguyễn Văn A và chị Phan Thị T: Kết quả điều tra xác định khi mua chiếc Honda Dream BKS: 19F1-266.87 của C, anh Anh và chị T Không biết chiếc xe này do C và T trộm cắp mà có. Nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền Công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì Các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với T và C); khoản 2 Điều 51(đối với C); Điều 38; khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn T và Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xử phạt Đào Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tự tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt Nguyễn Văn C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tự tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Xác nhận ngày 06/8/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ngô T T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 19F1-266.87.

(Theo biên bản về việc trao trả tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 05/4/2023)

Trả lại cho bị cáo T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen BKS 19F1 - 428.15 có số máy JA39E2938250, số khung là RLHJA3923NY736043 xe không có gương chiếu hậu, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Đào Văn T có số 0060; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô - xe máy mang tên Đào Văn T có số AA22/1403166; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô – xe máy mang tên Đào Văn T có số AA22/1403167; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, có số Imei 1: 862208047931650, Imei 2: 862208047931643, số sò ri 641C08B, máy bị bung màn hình, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại để bảo đảm thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2023)

4. Về trách nhiệm Dân sự: Anh Ngô T T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy Honda Dream BKS: 19F1-266.87 và Không yêu cầu Các bị cáo bồi thường thêm gì. Nên không đặt ra xem xét xử lý.

Buộc Các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn A và chị Phan Thị T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Kỳ phần mỗi bị cáo là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc Đào Văn T và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) Tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí trách nhiệm Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án, Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan THAHS -CA huyện H;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện H;
 - Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu AV, HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Yên